

Trời xa, đất gần



Vài giòng phiếm luận dưới đây tôi xin viết tặng quý Ái Hữu đã, đang, và sắp “Thất Thập Cổ Lai Hi”, quý bạn tù đất Bắc, Lâm dân Trường, Quách huệ Lai cùng các bạn Khóa 58-62 Phú-Thọ.

Hoàng như Ngọc

Thứ Sáu ngày 12 tháng 11 năm 2004. Sau cả tiếng đồng hồ vùn vù trên không hai chiếc trực thăng của Ai-Cập trong cơn lốc bụi, đã nhanh chóng đáp xuống căn cứ Ramallah với di hài của Yasser Arafat và nhóm tùy tùng thuộc hạ của ông. Hơn hai vạn người già trẻ lớn bé tụ tập nơi giam lỏng nhà đấu tranh bền bỉ cho một quốc gia Palestine độc lập, bố già của tổ chức Fatah, người anh hùng với cái nhìn bên này, kẻ khủng bố sát nhân với lối suy nghĩ bên kia. Tiếng khóc than bi ai trộn hòa với lời nguyện chém giết “Máu chúng tôi, linh hồn chúng tôi sẽ hy sinh đền trả lại ông” “Yasser, Yasser”

Sinh ra tại Jesuralem năm 1929, ông tốt nghiệp tại trường đại-học Cairo Ai-Cập với cấp bằng Kỹ Sư Công Chánh và phục vụ trong quân đội Ai-Cập trong cuộc chiến năm 1956 giữa Ai-Cập và Do-Thái. Ông sáng lập nhóm du kích Fatah, thành phần nòng cốt của Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO). Năm 1974, Liên-Hiệp-Quốc chính thức thừa nhận tổ chức PLO và Arafat là người đầu tiên của một tổ chức không quốc gia được ra phát biểu tại trụ sở Liên-Hiệp-Quốc tại Nữ-Uớc.



Năm 1988, ông thừa nhận quyền sinh tồn của Do Thái và năm 1993 ông chính thức thừa nhận Do Thái qua những cuộc đàm phán trực tiếp về đất đai chiếm cứ bởi Do Thái sau cuộc chiến Sáu-Ngày giữa Do Thái và Liên-Minh các nước Ả Rập (Ai-Cập, Syria và Jordan). Năm 1994 ông cùng chia giải Nobel Hòa-Bình với Yitzhak Rabin và Shimon Peres của Do Thái. Ông Arafat từ trần trên đất Pháp ngày 11 tháng 11 năm 2004, hưởng thọ 75 tuổi.

Cuộc đời vào sanh ra tử của ông Yasser Arafat mà sống được quá tuổi “Thất Thập” quả là “Cổ Lai Hi”! Cho đến lúc ông vĩnh viễn nằm xuống mà xác thân ông vẫn bị dành giữ níu kéo trong cơn lốc chính trị mà chính khách các quốc gia liên hệ đang mong hình thành một “Bản đồ Trung Đông”. Cả rừng người Palestine, kẻ bịt mắt, người che đầu, tiếng la gào than khóc lẫn với tiếng đạn căm hờn, từng hồi nổ loạn lên không. Trong tổng táng ma chay kẻ khóc mướn cũng nhiều, mà

người mưu toan chính trị chẳng thiếu! Dân Palestine nơi đây rất hãnh diện về sự kính trọng mà Tổng Thống Pháp Jacques Chirac, các vị lãnh đạo quốc gia phương Tây cùng các vị nguyên thủ các nước Ả-Rập đã dành cho Arafat trong tang lễ của ông. Hisham Abdallah, một người đàn

ông Palestine hỏi một phóng viên Tây phương rằng: “Ai có thể có một tang lễ trọng thể như thế này?, đầu tiên là Pháp, đến Cairo, rồi tại đây!” Sự kiện này chứng tỏ rằng chủ tịch Arafat không phải, như Mỹ và Do Thái

vẫn rêu rao, không mấy quan trọng trong chính trường quốc tế, mà ngược lại, theo Abdallah, ông là một khuôn mặt có tầm vóc đáng được toàn cầu vị nể! Thật đáng thương cho sự ngây ngô cuồng tín của anh bạn người Trung Đông! Này nhé anh vênh tai nghe đây lời khẩn bái (Ghi chú: do tôi đoán phía!) của Tổng Thống Jacques Chirac trước linh sàng của chiến sĩ “die-hard”, chủ-tịch Yasser Arafat: “Linh hồn anh sống khôn thác thiêng,

nghe tình đồng chí bao lâu, xin đừng xúi giục đám con cháu Ả Rập, đang đâm chồi mọc rễ trong nước tôi, đặt bom, nổ mìn, ám sát bừa bãi thường dân vô tội. Có điều gì không nên không phải, thì chúng ta sẽ bàn thảo với

nhau, chỉ có tôi biết, trời biết, linh hồn anh biết! Mặc cho bọn Anh, Mỹ, Do Thái và bè lũ, đang nhăn mày, nhíu mặt, chửi rửa tôi, đang cho tôi mặt dày mày dạn, tăng bốc một tay đại ma đầu tổ chức khủng bố như anh. Hồn thiêng anh chứng giám, nếu đám con cháu cuồng tín, bịt mặt che đầu của anh, không nhiều loạn Paris thì cái job của tôi mới còn! Ngược lại chúng càng đâm chém khủng bố bao nhiêu thì cái ghế gãy chân trên chính trường Âu-Châu của tôi càng chóng sụm! Mong anh nghe tình chúng giám cho...Ainsi soit il et vive la liberté”.

Cũng chẳng thua, chẳng sút bao nhiêu nhà chính khách lỗi lạc xứ phó mát ca-mãm-be, xin anh bạn Abdallah, ruột ngựa, một mực tin người, nghe đây lời khẩn bái (Ghi chú: cũng do tôi phía đoán) của các nước Ả-Rập anh em: “Ồi anh bạn chà là oi, sau bao năm anh đứng ra làm công cụ cho chúng tôi, làm cái điều mà chúng tôi không dám trường mặt ra, chỉ ném đá dẫu tay, quyết tâm diệt bọn mũ chảo chòm đầu Sê-mít, Dzai-ô-nít (Semist, Zionist, người theo chủ nghĩa phục quốc Do-Thái) quyết không để chúng có thể sinh tồn với dân tộc đầu chùm cổ cuốn chúng ta. Cái

hận của Trần Chiến Sáu-Ngày vẫn còn đó chưa tiêu, cái nhục mất của, mất người, mất đất của chúng ta bởi thằng tướng Mất Chột Moshe Dayan! Xe tăng thiết giáp mà đại sư huynh Nga sô bảo là sô dách, chỉ là một mớ sắt vụn đối với nó! Cũng may mà nó chỉ còn có một mắt mà đã làm chúng ta thất điên bát đảo chạy rút chà là! Anh sống khôn thác thiêng phù hộ dẫn dắt chỉ điểm cho chúng tôi kẻ nổi nghiệp anh, nếu không nhai xương

nuốt thịt được chúng thì xúi bầy lũ trẻ thơ, quần mìn vào bụng, banh thầy nổ xác ở Tel-Aviv để chúng tôi được thom lây cái sự nghiệp khủng bố, man rợ giết người, danh bất hư truyền của anh trong sử sách! Anh chết đi chắc không có gì oán trách được chúng tôi. Tiền của chúng

tôi bom cho dân tộc Palestine bao nhiêu tỷ đô la anh đã cẩn thận cất vào trương mục riêng của anh. Tuy anh không có phúc hưởng già, nhưng bù lại cô vợ trẻ Suha của anh sẽ được cấp dưỡng 22 triệu đôn một năm, đang và sẽ đốt, một ngày cả chục ngàn đô-la ở kinh đô ánh sáng của người bạn đồng minh Chirac! Cái giá bán mạng của người dân yêu nước Palestine, mà anh lẽ nào không biết, chỉ đáng một phần mười sự xa xỉ một ngày của vợ con anh tại Ba-Lê!”

Chủ tịch Arafat nằm xuống như thầy phù thủy xuống đàn, đám yêu ma tha hồ tranh nhau nhang khói! Báo chí, đám chính khách xa-lông Mỹ, xâm xỉ tiên đoán đủ chuyện về chuyến viếng thăm vội vã của Thủ Tướng



Blair với Tổng Thống tái cử Bush. Một vài thầy bàn, kẻ lạc quan cho rằng tia hy vọng cho “Bản đồ Trung Đông” đã lóe ra ở cuối đường hầm, người yếm thế thì cay đắng mỉa mai “Hy vọng, rồi ra chỉ là bữa điểm xăm ngon, nhưng chung cuộc lai hoàn cũng chỉ là bữa ăn tối nghèo nàn đạm bạc!”

Văn hào Nga Fyodor Dostoyevsky (1821-1881) lập luận rằng “Nửa phần sau cuộc đời của người đàn ông cũng chẳng có gì thêm bớt ngoài các thói quen đã có của nửa phần đầu”



(tạm dịch nguyên văn Anh ngữ: “The second half of a man’s life is made up of nothing but the habits he has acquired during the first half”) Tôi nghĩ lập luận của Dostoyevsky không mấy khách quan, mà có lẽ chỉ đúng

với cuộc đời ông. Nghèo đói, bệnh tật, tù đầy, khổ ải và gian truân, đã cướp đi hoan lạc mà thay vào đó bằng những tưởng tượng, suy luận, bệnh hoạn và yếm thế của ông về đời người. Ngẫm cho cùng vào cuộc đời của ông Arafat, lập luận trên của nhà đại văn hào Nga trong thế kỷ 19 cũng có phần nào xác thực. Chỉ có mục đích, hướng đi, và hoài bão của cuộc đời hai người rất là khác biệt. Bằng bạc trong những tác phẩm nổi danh của ông như “Chôn Sống tại Siberia” (Buried Alive in Siberia tên theo bản dịch Anh ngữ, Recollections of a Dead-House tên của nguyên bản Nga ngữ) “Tội Ác và Hình Phạt”, “Anh Em nhà Karamazov”, “The Adult”, “The Gambler”, “The Demons”, “The Idiot”... Dostoyevsky đã đưa ra những triết luận đặc thù về cuộc đời. Theo ông, trong mỗi cuộc sống, dù có nằm chìm bẫy nổi đến đâu, vẫn có những lúc thoát thân để tâm linh và thân xác được gột rửa qua sự khổ đau. Chỉ có khổ đau riêng thôi mới thanh khiết được tâm linh. Ông viễn tưởng nhân dân Nga, một ngày nào đó trong tương lai, sẽ hình thành

được một xã hội trong đó mọi giai tầng gắn bó với nhau để nhả độ, yêu thương nảy nở mà không cần sự ràng buộc bởi luật pháp xã hội. Với ước mơ một xã hội lý tưởng và với chủ thuyết khước từ bạo lực, Dostoyevsky đã ảnh hưởng sâu rộng đến Leo Tolstoy (1828-1910) một khuôn mặt vĩ đại của văn chương Nga cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 với kiệt tác “Chiến Tranh và Hòa Bình” mà không mấy ai trong chúng ta không biết qua phim ảnh hoặc truyện sách.

Sở dĩ tôi phải lập luận lòng thông theo kiểu Nga Tàu, trước khi quay về cái chính của “Trời Xa, Đất Gần” chẳng ngoài mục đích dẫn giải rằng bối cảnh lịch sử và môi trường xã hội đã ảnh hưởng lớn lao thế nào trong đời người. Tôi nghĩ các Ái-Hữu ở thế hệ tôi, đều đã sống trong cái giai đoạn long đong lận đận của xứ sở, trong một đất nước từ lệ thuộc ngoại bang đến nội chiến tương tàn, qua bao nhiêu năm khói lửa. Chẳng có cái gì được thực hiện hoàn chỉnh trong chiến tranh, mọi sự hình như chỉ được vá víu theo hoàn cảnh và môi trường xã hội đương thời.

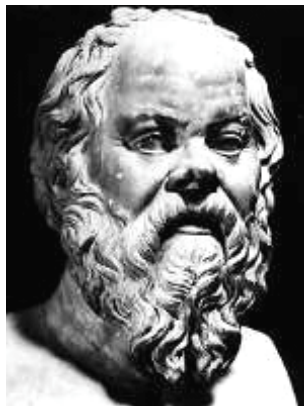
Năm tôi sáu bảy tuổi, buổi sáng trong cái buổi giá của xứ Thanh, băng bả đến trường để kịp chào lá cờ mẫu quốc, trương gân phùng cổ hát bài “Kìa Thống Chế Pétain tuổi tác còn gánh vác sơn hà...” (ghi chú: Philippe Pétain, người hùng trận chiến Verdun, người lãnh đạo chính quyền Vichy Pháp trong Đệ Nhị Thế Chiến, lịch sử cũng như nhân dân Pháp sau này không minh định rõ ràng công tội của ông chỉ ghi là ông cấu kết với kẻ xâm lăng qua con bài Pierre Laval, Pétain chết trong tù và Laval bị xử bắn). Tuy còn thơ ấu nhưng tôi vẫn cảm nhận được ánh mắt và cái nhìn nửa ưu tư, nửa khó chịu, của người anh cả trong gia đình tôi, khi tôi ngêu ngao câu hát “Maréchal, nous voilà, devant toi, le sauver de la France...”

Năm tôi chín mười tuổi, bài ca đổi theo sắc cờ màu máu “Diệt phát xít, diệt bầy chó đê hèn của chúng, tiến lên nền Dân Chủ Cộng Hòa...” Tiến lên nền Dân Chủ Cộng Hòa hay

“Tiên lên nguồn Máu Lệ Chan Hòa”?! Non sông biến đổi nhưng lịch sử chẳng thể nào không trung thực!

Chính quyền “phát xít” cực thịnh ở Ý (1922-1943) Đức (1933-1945) và Tây ban Nha (1939-1975) dưới sự cai trị của Benito Mussolini, Adolf Hitler, và Francisco Franco. Những nhà độc tài này với ma lực thuyết phục cùng bạo lực quân chế, bắt nhân dân họ tuyệt đối tin rằng chỉ có thể chế này mới tạo ra được sự ổn định chính trị và kinh tế trong nước. Chủ thuyết phát xít nhấn mạnh vào quyền độc tôn của nhà nước, sự tin tưởng tuyệt đối vào người lãnh đạo, và sự chối bỏ nguyện vọng nhân dân để củng cố uy quyền thể chế. Tuy cùng dùng bạo lực làm phương tiện, nhưng khác với chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ 20 mà Joseph Stalin dùng đấu tranh giai cấp để diệt trừ tư bản. Đảng phát xít sợ hiểm họa lớn mạnh của giai cấp bản nông, phát động sách lược bảo vệ quyền lợi đoàn thể, địa chủ và bảo tồn giai tầng xã hội. Cái danh từ “phát xít” có họ hàng gần xa với danh từ “khủng bố” đặt để gần đây trong danh xưng cho nhóm Hồi Giáo quá khích. Chủ nghĩa “khủng bố” thật ra cũng chẳng mới mẻ gì. Nó đã được sử dụng từ cổ chí kim trên toàn cầu bởi các tổ chức chính trị, từ cực tả đến cực hữu rồi đến cách mạng. Khủng bố là công cụ của những phe nhóm cực đoan dùng làm suy yếu phe nắm quyền, trong mục đích lật đổ cơ cấu chính trị đương thời. Khủng bố cũng được sử dụng bởi các chính quyền để đối phó với các phân tử bất đồng chính kiến, chống đối trong nước, để ép buộc họ tuân hành đường lối của đảng phái, phe nhóm cầm quyền. Thí dụ điển hình qua các đế triều La Mã, Cách Mạng Pháp với phe cấp tiến với Robespierre và nhóm chủ xướng La Terreur (1793-1794) qua việc thiết lập Ủy Ban An Ninh Công Cộng để diệt trừ phe cực tả nhóm Jacques Hébert, phe cực hữu nhóm Georges Danton. Cực hữu, cực tả và cấp tiến đều lên máy chém cùng với 1300 cái đầu lia khỏi cổ trong tháng 6 năm 1794 trong lịch sử Cách Mạng Pháp quốc!

Khi giòng sông Bến Hải tách đất nước tôi ra làm hai mảnh, mảnh Bắc chịu ảnh hưởng Nga Tàu, mảnh Nam nghiêng theo Pháp Mỹ. Từ người dân thuộc địa bước vào tranh sáng tranh tối của thời kỳ chuyển tiếp, tây chẳng ra tây, ta chẳng ra ta, chẳng có sự lựa chọn nào khác, tôi vẫn phải bám theo những mảnh bằng thi tại Sài Gòn, ký cấp tại Paris! Mớ kiến thức văn chương Pháp lôm bôm của tôi, cộng với các lối hiểu biết “tả pín lù” về những suy luận “dễ trúng thực” của triết học Tây phương với Socrates, Plato và Aristote về tương quan xoay quanh Đạo Đức, Vật Thể, Logic và Vũ Trụ lắm khi cũng làm tôi hoang mang về sự hiểu biết của mình! Trong cái tuổi “trời xa đất gần” này, lắm khi tôi có ý nghĩ là đầu óc cùng tư tưởng của mình chỉ vận hành theo cương lĩnh của xã-hội mình đang sống ít khi thoát khỏi ảnh hưởng kiểm



tòa của đám đông nếu không muốn bị tách rời cô lập. Cái nguy hiểm chết người là có một bộ óc điên khùng nào đó, trong một môi sinh cá biệt, đã thuyết phục hoặc ép buộc được đám đông mù quáng nghe theo chủ thuyết của mình

đưa nhân loại vào vòng chém giết! Câu nói của bất hủ của văn hào Voltaire trong thế kỷ 18 thật đáng nghiền ngẫm “Những ai đã thuyết phục được bạn tin vào những điều ngu xuẩn, thì cũng có thể làm bạn sai phạm vào những việc làm tàn bạo”.

Lật lại những trang sử cổ kim, nào Đại đế Alexander the Great (356-323 trước Dương Lịch), vĩ nhân nhân loại đánh Đông dẹp Bắc, chiếm cứ từ Thrace (lãnh thổ xứ này thay đổi qua lịch sử, trong thời thượng cổ Hy Lạp lãnh thổ Thrace được giới hạn bởi sông Danube, biển Aegean và Hắc Hải) tới Ai-Cập, từ Hy Lạp đến châu thổ sông Indus của Ấn Độ tạo thành một đế quốc rộng lớn trong thời ông (Ghi chú: Sông Indus là một trong

những con sông dài nhất thế giới với 2900 cây số chiều dài, bắt nguồn từ miền tây nam Tây Tạng chảy hướng tây bắc dọc theo triền Hy Mã Lạp Sơn xuôi phía tây nam biên giới Kashmir rồi đổ nước vào lãnh thổ Pakistan); nào Thành Cát Tư Hãn (1160-1227) tung hoành, đánh phá, chiếm cứ suốt từ ven biển Thái Bình Dương Trung Quốc đến biển Adriatic Âu Châu tạo dựng một đế quốc lục địa vĩ đại trong lịch sử toàn cầu; nào Peter the Great (1672-1725) (Ghi chú: vị bạo chúa biến đổi đời sống dân Nga vào cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18, bành trướng lãnh thổ Nga qua tước đoạt đất đai các nước lân bang. Trong thời kỳ thống trị của ông, nhiều cải cách xã-hội được tàn bạo thực hiện qua chết chóc của vô vàn sinh mạng dân Nga. Sau này, trong tâm khảm người Sô-Viết, Stalin là mẫu hình khuôn đúc, người thừa kế di sản của vị bạo chúa này); nào Đại Đế Nã phá Luân (1769-1821) một thời dẫm nát Âu-Châu với trận thắng Austerlitz, Wagram, Friedland, Borodino... để cuối cùng nghiệp đế tan đi trong trận chiến Waterloo và chấm dứt đời mình trên đảo Sainte Hélène!

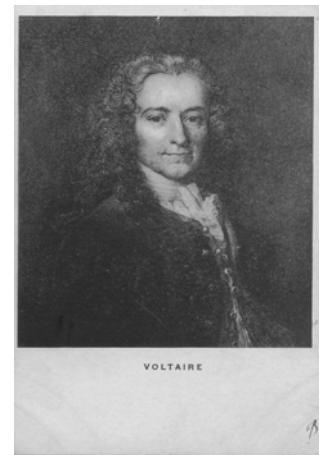
Có thể bạn đọc chê tôi chủ quan, thiên cận khi nói rằng hậu thế đã tâng bốc những người chẳng đáng được tâng bốc! Những danh từ Le Grand, The Great, theo tôi phải đổi lại Le Petit, The Troublemaker! Thật tình nhân loại có thể Bình An, Thịnh Vượng hơn nếu không có những tên đồ tể giết người vì tham vọng cá nhân đã một thời biến nhiều mảnh trên trái đất này thành lò sát sinh. Nhân dân không có cảnh nhà tan máu chảy, trái đất chẳng phải một địa ngục trần gian nếu những mầm mống sát nhân này không được gieo rắc trên địa cầu.

Thánh Gandhi đưa nhân dân Ấn Độ khỏi ách ngoại bang mà không đổ một giọt máu, Đức Khổng Phu Tử đi khắp đất nước Trung Hoa đem Cương Thường Đạo Lý, răn vua dạy dân, mà suốt hai ngàn năm sau, lời Ngài vẫn là nền tảng khuôn thước trong xã hội Trung Hoa! Theo tôi, các thánh nhân này mới đáng được tôn xưng là vĩ nhân thiên hạ! Voltaire

trong “Dictionnaire Philosophique” hết mực ca ngợi nhà hiền triết Trung Hoa khi ông viết: “Có quy-luật đạo đức nào tốt lành hơn cho loài người kể từ khi thế giới khởi đầu? Chúng ta nên nhìn nhận rằng chưa có nhà lập-pháp nào (ám chỉ Khổng-phu-Tử) hữu dụng cho nhân loại hơn ông!”

Lúc bạn ở cái tuổi “Trời xa, Đất gần”, chân chạm đất, mắt nhìn trời, không thể nào không có cái cảm giác về thân phận nhỏ bé của mình trong vũ trụ. Cái giá trị mà con người tự phong, tự cấp cho mình quả cần suy gẫm. Tôi theo học trường Dòng nhưng lại ngưỡng mộ Voltaire. Trong nhiều khía cạnh, tôi vẫn tìm ra lý do để bào chữa sự phản chống của ông, về sự cưỡng đặt khát khe, của các thể chế chính trị và tôn giáo, do nhóm thiểu số nắm quyền, trong xã-hội thời ông. Ông mĩa mai ám chỉ người lãnh đạo giáo hội thời bấy giờ là “L'idole qu'on encense par l'habitude”. Các thầy tôi cho rằng cha này bị quỷ ám nên lộng ngôn, tôi ngược lại nghĩ thâm, mấy thầy tôi bị tẩy não nên chỉ nói theo thói quen! Tôi nhất định không là kẻ vô thần, nhưng rất hồ nghi về những tín điều nhân tạo.

Voltaire (1694-1778), nhà văn châm biếm, nhà thơ trào phúng, nhà văn hào tên tuổi Pháp quốc trong thế kỷ 18. Ông theo học với các linh mục dòng Tên ở trường Louis le Grand tại Paris mà sau khi ra



khỏi trường ông châm biếm “Tôi chẳng học được gì ngoài mớ chữ La-tanh và khối điều ngu-xuẩn” Ông được coi là người chủ trương chống lại bạo lực cầm quyền, và tín điều mù quáng cố chấp của các thể chế chính trị và tôn giáo đương thời. Voltaire cho rằng “Tự Do tư tưởng là lẽ sống của tâm linh” Việc mạnh mẽ đả kích nhà cầm quyền cùng giáo

hội Công giáo thời đó đã đưa ông vào tù ra khám, bị lưu đày nhiều lần. Ở tuổi hai mươi ông đã ném cơm tù mười một tháng ở ngục Bastille về tội đã kích giới quý tộc đương thời. Thậm chí ông còn cho rằng giáo thuyết về Ba Ngôi và Hiện Thân của Chúa là vô nghĩa. Xã hội thời đó xem chủ thuyết vô thần của Voltaire như rất là tồi tệ trên phương diện đức hạnh, và còn tác hại hơn cả sự cuồng tín. Thật ra không một học giả nào trong văn học hiện đại có thể phủ nhận rằng ông là người chủ xướng của “Thời đại Ánh Sáng” (Age of Enlightenment). Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông là chuyện ngắn trào phúng “Candide” (1759). Trong thế giới của anh chàng Candide đầy đầy kẻ dối trá, phản bội, vong ân bội nghĩa, trộm cướp, sát nhân, cuồng tín, giả nhân giả nghĩa, điên khùng xuẩn ngốc, vân vân.... Sự phẫn nộ của Voltaire không thể hiện qua việc chỉ trích bài bác xã hội đương thời, mà qua cái nhìn mỉa mai châm biếm của ông về bản chất con người. Nhân vật Candide hỏi anh bạn Martin rằng “anh có tin rằng nhân loại luôn luôn tìm cách sát hại lẫn nhau không?” Martin nêu ra việc chim ó ăn thịt chim câu bằng lối dẫn giải “Nếu bản tính của loài ó luôn luôn là vậy, làm sao anh có thể nghĩ bản tính loài người có thể đổi thay”. Những bậc thức giả cận đại nhận ra ở ông “Một người dám đứng ra tranh đấu nhân quyền cho giai tầng bị áp bức trong xã hội... Ông đã giáo dục, chỉ dạy, hướng dẫn đại chúng suy nghĩ và hành động.... Voltaire là nhân vật đi trước thế hệ mình cả trăm năm, một vĩ nhân với chủ thuyết nhân đạo trong thế kỷ 18”.

Sự tiến bộ trong khoa học ngày nay dẫn dắt con người tìm hiểu không gian vũ trụ đưa trí tưởng tượng tưng tưng của mình đến những tinh cầu xa hằng tỷ năm ánh sáng. Cái vô biên của tạo hóa mà nhân loại đang dọ dẫm hầu như vượt quá khả năng trí tuệ, và làm tê dại trí não con người, đến nỗi có một nhà bác học phải thốt lên: “Cái mà tôi biết là chẳng biết gì cả!”, câu nói có vẻ khiêm nhường nhưng chẳng sai sự thật bao nhiêu! Những tiên đề, định đề, cùng những nguyên lý cơ bản để con

người giải thích sự hiện hữu và tương quan giữa Vật Thể chỉ nằm trong môi trường hiểu biết hạn hẹp của Trí Tuệ. Sự hiểu biết của nhân loại dường như bị vây hãm trong cái “Black Hole” bởi vòng đai “Event Horizon” (Ghi chú: Black Hole là khối vật thể trong vũ trụ có trọng lực hấp hút cực cao đến nỗi ánh sáng cũng không thoát được với vận tốc 300,000 km/giây của mình. Giả thuyết cho rằng Black Hole được hình thành bởi suy tàn và chết đi của những tinh cầu có khối lượng to hơn 10 lần Mặt Trời; Event Horizon là ranh giới vây quanh Black Hole. Ở Event Horizon tốc độ vượt thoát “escape velocity” bằng tốc độ ánh sáng. Theo thuyết tương đối “relativity” của Albert Einstein thì không có tốc độ nào nhanh hơn tốc độ 300,000 km/giây của ánh sáng, do đó không có gì bên trong Event Horizon có thể thoát ra. Nói một cách khác cái gì đã ở trong Black Hole không thể thoát ra hoặc có thể quan sát được ở ngoài Event Horizon). Điều duy nhất mà con người mình định được là “Tôi suy nghĩ nên tôi tồn tại” (René Descartes: Je pense, donc je suis).

Cận kề tuổi 70, cái tuổi “Trời xa, Đất gần” này, chỉ có một điều tôi tin là Thượng Đế đã ban thí cho con người chút tâm linh, trí tuệ, khác biệt với các sinh vật ngài tạo ra trên trái đất này, để có thể nhận thức được sự hiện hữu nhỏ bé của mình trong vũ trụ vô biên. Con người, vĩnh viễn không có khả năng thấu triệt huyền cơ do Tạo Hóa an bày. Chỉ nên biết rằng đạo làm người là phải đi trong đường ngay, sống theo lẽ phải, không làm gì sai trái với lương tâm, tu thân tích đức, diệt tham, đui si. Tôi nghĩ rằng công đức tạo dành cho một kiếp sống khác sau trần thế, nếu có, phải do đạo đức, hạnh kiểm của chính bản thân mình có được, chứ không phải do màu mè lễ bái cung phụng tạo ra. Phật Chúa, Thánh Thần nào mà nghe những lời cung tụng, suy tôn nịnh nọt, của những kẻ tâm xà lòng sói. Oan chuối nào mà hỏi lộ được đức Thể Tôn! Chỉ có chính mình, chính bản thân mình, do công bởi tội, mới tìm được “chỗ

được đến, hay chỗ phải đi” sau khi thân xác trở về với cát bụi.

Sau khi Sài-Gòn thất thủ và chuyến vượt biên bất thành vào năm 1976, tôi mang thân tù đầy ra ném cơm bo-bo trên đất Bắc, hít sơn lam chướng khí núi rừng Sơn la, Hà Tây, Thanh Hóa! Cái bất hạnh, khúc ngoặc bi thảm trong cuộc đời, như Dostoyesky đã nói ở trên, là viên thuốc đắng tủy gột tâm linh, cái mà mình không cảm được, không nhận ra nổi, trong lúc an vui, đều được mình bạch thấu đáo trong cơn hoạn nạn. Con người sống với nội tâm nhiều hơn trong lúc bị thương cùng quẫn, và có một điều là ai trong chúng ta cũng xác định được rằng: “Khi vượt đại dương, dù phong ba bão táp đến đâu, con người vẫn quyết bám víu lấy thân tàu, bám víu lấy sự sống, quyết không bỏ tàu mà lao thân xuống biển”.

Khi tàu Sông Hương biệt đày tôi ra Bắc, tôi gặp Lâm dân Trường, lúc tàu Mã-Lai đem tôi đến đảo Pu-lô Bi-đông, ngưỡng cửa vào vùng đất hứa, tôi gặp Phạm lương An. Cái mừng cái tủi lẫn lộn. Hình như định mệnh an bài cho chúng tôi, những người bạn ngày nào ở Trung Tâm Phú Thọ, gặp nhau vào những khúc thật quanh của đời mình! Trường mất đi cái nét ngang tàng nghịch ngợm của nhóm băng đảng trường Công-Nghệ ngày nào, thay vào đó nét mệt mỏi, chán chường do cái gọi là Giải Phóng ban cho sau những năm thủ-đô Sài-Gòn bị cưỡng tên. Tôi và An, may mắn thoát ra khỏi Việt Nam vào cuối năm 1980, trong khi Trường vẫn còn bị giam cầm ở các trại tù ngoài Bắc. Lúc tôi gặp An ở trại tỵ nạn, tuy vẫn cái nét đạo mạo “Ông Huyện” được các bạn cùng khóa gán cho trong khóa học, An có vẻ gầy đi rất nhiều sau phen vượt biển. Trường và vợ con hiện đang sống tại Bỉ. An và gia đình hiện ở California, chỉ cách chỗ tôi ở khoảng quá một giờ lái xe. Nhắc đến bạn bè, tôi chợt nghiệm ra cái nét đặc thù



trong mỗi đời người là từ tuổi thiếu niên đến lúc trưởng thành, con người chỉ đuổi theo cái điều mơ ước, ít khi nhớ việc đã qua, ít khi thắc mắc về sự hiện hữu của mình, chỉ đến cái tuổi gần đất xa trời, thì mới đi tìm cái nguyên lý của sự sống, mới ôn lại việc đã qua đi, hồng niu kéo lại cái gì đã mất! Than ôi, khi mái tóc đã bạc màu, thuốc nào mà nhuộm được màu đen thừa đó!

Tháng tám năm 1982, sau bảy năm ngụp lặn, vùng vẫy trong khổ ải ngục tù, cuối cùng tôi cũng đến được vùng đất Tự Do. Tôi vào Mỹ qua một mé ga khách cũ bỏ không, tại phi cảng Oakland, thành phố kế cận San-Francisco, mạn Tây-Bắc California, vùng đất đã từng chống đối dữ dội cuộc chiến Việt-Nam, mà cao điểm của nó xảy ra trong nhiệm kỳ của Tổng Thống Lyndon Johnson với “Nghị Quyết Vịnh Bắc Bộ” (Gulf of Tonkin Resolution) của Thượng Viện Hoa-Kỳ ngày 5 tháng 8 năm 1964. Khi tôi đến đây, cái u-nhọt chiến tranh Việt-Nam hình như vẫn còn nhượa trong tâm khảm người dân Hoa-Kỳ, sự dằn vặt đã bỏ rơi chiến hữu vẫn còn ám ảnh trong lương tri chính quyền Mỹ. Tuy họ không nói ra, nhưng những sự giúp đỡ tận tâm của cơ quan, đoàn thể, giới chức địa phương đã biểu hiện phần nào ý thức trách nhiệm đối với những kẻ đã đem sinh mạng mình ra đổi lấy Tự Do, những đồng minh cùng chung giới tuyến, chia xương xẻ máu, với nhân dân Hoa-Kỳ để ngăn chặn búa liềm Cộng-Sản.

Món gà hầm bắp cải ở đất Tự Do có cái hương vị thật khó quên. Trong khuôn viên khu tạm trú nhìn ra giòng xe trên xa-lộ tôi chợt hỏi mình “thật đã đến chưa”. Cái khung trời mơ ước giúp tôi sống còn trong xà-lim miền Nam, ngục tù đất Bắc, vùng giam cầm giáp biên Miên Thái, thật ra vẫn chưa rõ nét! Cái mới đến nhanh đến nỗi cái cũ không đủ thời gian để tan đi! Qua “Địa ngục trần gian” tới “Vùng Tự Do Đất Hứa” cảm giác trong

tôi vẫn còn ngây ngật như lúc xuống sân bay Oakland!

Tôi được định cư ở Loma Linda một thị trấn nhỏ thuộc quận hạt San Bernadino qua sự bảo trợ của Hội Tin Lành Seventh-Day Adventists. Những năm đầu trên đất Mỹ, tôi được chứng kiến thời điểm cực thịnh của đảng Cộng-Hòa với Tổng Thống Ronald Reagan và sự thực thi thuyết “supply-side economics” (Ghi chú: chủ thuyết kinh tế nguyên khởi bởi John Keynes mà sau đó kinh tế gia Mỹ Arthur Laffer khai triển chi tiết áp dụng. Điểm trọng tâm của “supply-side economics” nhằm vào tương quan giữa công ăn việc làm và sự sản xuất hàng hóa tiêu dùng, qua việc giảm thuế, bớt phúc lợi, để tạo công ăn việc làm và gia tăng sản xuất).

Sống trên đất Mỹ mà không tìm hiểu nguồn cội của chính trường Hoa-Kỳ kể cũng có phần thiếu sót. Các bạn tôi thường hay nhắc khéo tôi là sắp xuống lỗ rồi, nên an thân thủ phận, chớ chính trị chính em, tôi nghĩ ngược lại, mấy cha này đã bỏ xứ ra đi mà lúc nào cũng đầy đầy “em chả, em chả”. Cái thể đứng đã rõ ràng, cái chân do chính bạn cắm trên đất Tự Do này không lẽ do Mỹ nó cắm xuống?!

Đảng Cộng-Hòa và đảng Dân-Chủ, là hai đảng lớn trong chính trường Hoa-Kỳ. Qua lịch sử nước Mỹ hai đảng này vốn xuất phát từ một gốc. Năm 1790 một nhóm trong số người ủng hộ ông Thomas Jefferson tách ra và tự mệnh danh là “Democratic Republicans” hay là “Jeffersonian Republicans”. Nhóm này bày tỏ sự tin tưởng của họ về “chính thể dân chủ” và sự chống đối về “chính thể quân chủ” Cái tên đảng Dân Chủ ngày nay vốn đã có từ năm 1830 trong nhiệm kỳ của Tổng Thống Andrew Jackson (1829-1837), vị Tổng Thống thứ bảy của Hoa-Kỳ. Từ năm 1836 đến năm 1860 đảng Dân-Chủ hầu như thắng hết các cuộc bầu cử tổng thống. Sự bất đồng chính kiến về vấn đề nô lệ đã tách đảng làm hai phe. Phe miền Bắc chống đối chế độ nô-lệ, phe miền

Nam ngược lại bảo vệ chế độ nô-lệ. Đảng mới, của phe miền Bắc, Đảng Cộng-Hòa được thành lập và thắng lần đầu tiên với việc đắc cử vào chức tổng thống của ông Abraham Lincoln, vị tổng thống thứ 18 của Hoa-Kỳ vào cuộc bầu cử năm 1860. Từ năm 1861 đến năm 1913 đảng Dân-Chủ chỉ có một tổng thống đắc cử là ông Grover Cleveland (1885-1889, 1893-1897). Nói một cách chung chung đảng Dân-Chủ là đảng của công nhân lao động, thiểu số, và cấp tiến. Những vị tổng thống lỗi lạc của đảng Dân-Chủ, đánh giá theo một góc cạnh nào đó, phải kể các ông Woodrow Wilson (1913-1921), Franklin D. Roosevelt (1933-1945), John F. Kennedy (1961-1963), William Jefferson Clinton (1993-2001) (ghi chú: nếu “đánh giá theo một góc cạnh nào đó” thì xin bỏ cô Monica Lewinsky ra ngoài việc phê phán ông Bill Clinton)

Đảng Cộng-Hòa hay là GOP (Grand Old Party) được thành lập vào năm 1854 bởi các đảng viên của ba đảng Whig, Democratic và Free Soil. Chọn tên Cộng-Hòa để tưởng nhắc sự quan tâm của nhóm “Jeffersonian Republicans” đặt quyền lợi quốc-gia trên lợi



ích cục bộ và quyền lợi tiểu bang. Nói chung đảng Cộng-Hòa chống chế độ nô-lệ, chống chủ nghĩa Cộng-Sản, chống việc mở rộng cơ cấu chính quyền để áp đặt luật lệ kiểm soát xí nghiệp, chủ trương giảm thuế để khuyến khích đầu

tư tạo công ăn việc làm và gia tăng sản-xuất. Trong những mùa tranh cử đảng Dân-Chủ thường gieo vào đầu óc cử tri là đảng Cộng-Hòa là đảng của tài phiệt chỉ bảo vệ quyền lợi của nhóm thiểu số giàu có. Việc giảm thuế của ông Bush con, 90% là vào túi chủ nhân của các siêu công ty. So sánh tiền giảm thuế mà tầng lớp trung lưu nhận về chỉ mua nổi một cái muffler cũ trong nghĩa địa xe, còn tài phiệt ngược lại tha hồ tậu sắm Mercedes của

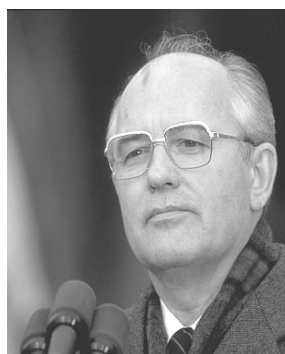
Đức, Alfa Romeo, Ferrari, Lancia của Ý! Đảng Cộng-Hòa phản công bằng lập luận rằng 90% tiền thuế đóng vào hàng năm là do các công ty, xí nghiệp đóng vào, tiền của César thì phải trả cho César! Trong mùa bầu cử năm 2004, một nghị sĩ đảng Cộng-Hòa nói với những tay tai to mặt bự chủ nhân ông các công ty xí-nghiệp, bằng cách trích giảng câu nói của ông Ronald Reagan “Taxing the rich is like giving yourself a blood from the right arm to the left arm and spilling half of it on the floor. You cannot tax your self rich, we are in the process making ourselves poorer” Như sợ các bộ óc đặc sệt tiền của các ông trùm tài phiệt chưa hiểu câu nói của ông Reagan, ông nghị sĩ đảng Cộng Hòa triết giảng thêm lý thuyết “big government” của đảng Dân Chủ, bằng cách ví von về sự mua sắm. Ông nói mua sắm gồm có ba loại. Loại một: “Giả sử là bạn muốn mua sắm một vật gì cho chính mình. Tiền chi ra là tiền của bạn. Trong kinh doanh tự do sự thận trọng trong việc chi tiêu là điều tất yếu. Bạn thận trọng về giá cả, lẫn phẩm chất. Giá cả vì là bạn phải chi ra đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình, phẩm chất vì chính bạn sẽ dùng vật bạn sắm”. Loại hai: “Giả sử bạn mua vật gì đó cho một người nào khác, bạn vẫn thận trọng về giá cả vì bạn phải chi ra, nhưng về phẩm chất thì bạn uyển chuyển hơn vì bạn không xài nó”. Loại 3: “Giả sử trong một công sở nọ bất cứ ai đến trễ giờ làm việc thì bị phạt bỏ \$5 vào một cái lọ và đến cuối tháng người chủ sờ lấy số tiền trong lọ ra, tuyên bố chúng ta sẽ dùng số tiền \$150 của những người bị phạt để thưởng một người nào đó. Bạn là người được chọn để đi mua vật thưởng. Sau khi ăn trưa bạn thả bộ dọc theo khu phố mua sắm và bạn nhìn vào một cửa hàng thấy một con cóc giả nhồi bông với giá \$149. Tuyệt vời, vừa vặn với số tiền được giao phó, bạn chộp mua con cóc bỏ vào cái hộc trong sở và đến giờ tan sở ông chủ sờ long trọng lên lớp rằng trong tháng đã có 30 người bê bối bị phạt tiền cần được tu chính, và sau cuộc xô số cô Sally trúng số, lãnh con cóc, mọi người đều cười ô hể hả ra về”.

Ông nghị Công Hòa tiếp giảng tiếp: “Loại 3 mua sắm này là gì. Là loại mua sắm bạn mua không do tiền của bạn cho nên bạn không mấy quan tâm về giá cả. Loại mua sắm mà bạn không dùng cho nên bạn chẳng thiết gì về phẩm chất”. Ông Nghị mĩa mai kết luận: “Theo định nghĩa tất cả việc mua sắm của chính quyền đều là Loại 3 Mua Sắm”. Đương nhiên đảng Cộng-Hòa ám chỉ đảng Dân-Chủ phung phí tài nguyên với “big government”. Thật ra cái đường lối mà đảng Cộng Hòa hiện nay chủ trương đã được quảng bá trong thế kỷ 18 trong chính trường Anh Quốc mà Voltaire trong Dictionnaire Philosophique 1764, đã viết: “Nói chung, xảo thuật của chính quyền là rút tĩa càng nhiều càng tốt, phúc lợi tài nguyên của một giai tầng này trao cho một giai tầng khác trong xã-hội”. Chỉ tiếc rằng ông Voltaire không có cơ hội để hỏi các ông trùm đồ Mác, Lê, Staline, Mao xénh Xáng đã vơ vét tiền của sanh mạng nhân dân rồi trao cho ai?!

Tôi là người ăn nhờ ở đậu không dám thiên vị ai, dù có nhìn ra những điều ma mãnh của hai phe, thì cũng chỉ nói để mình nghe! Ông Dân-Chủ thì luôn luôn với lòng “đại bác” sống chết với dân nghèo, đập chết dân giàu với sưu cao thuế nặng, luật này, lệ nọ, bắt chân, bắt tay, anh nghiệp đoàn, nhóm dân thiểu số welfare, để hốt phiếu! Ông Cộng-Hòa chủ thuyết này chủ thuyết nọ cũng chẳng ngoài mục đích trả nợ những tay tổ lobbyists chi tiền trong mùa bầu cử. Các môi thầu béo bở tại Iraq làm sao thoát được bàn tay lông lá của công ty Halliburton!. Chuyện chính trị nó có mùi vị gì thì phải hỏi ông Tổng Thư Ký Kofi Annan và me-sù Saddam trong vụ “đổi dầu lấy cơm” mà mới đây ông nghị Công Hòa Coleman, chanh-chua tru-tréo, nặng nề đòi ông Kofi Annan phải rời bỏ cái job mà ông được bầu vào năm 1996 và tái cử năm 2000. Ông Kofi Annan là người Phi Châu đầu tiên được giữ cái trọng trách hàng đầu trong tổ chức Liên-Hiệp-Quốc. Ông tốt nghiệp đại-học Geneva’s Institute và MIT (Massachusetts Institute of Technology) về môn Quốc-Tế học. Ông cùng chia giải Nobel

Hòa-Bình với Liên-Hiệp-Quốc. Cái việc bê bối của “chương trình đổi dầu lấy thực phẩm” trong thời bạo chúa Saddam thật ra đã bị ém nhem trong bao năm nay bởi vì các nhân vật dính líu không đơn thuần là những nhân vật đứng mũi chịu sào, mà còn cả tá đại ma đầu quốc tế chাম mút sau hậu trường! Mỹ biết, Pháp biết, Anh biết, Đức biết, ông Annan và quý tử của ông cũng biết, nhưng tại sao bây giờ mới mở nút cái hủ mắm ra?!. Tên Anamít ngu xuẩn như tôi cũng đoán ra được là anh Mèo cay cú những cú thụi ngầm của me-sù tổng bí thư chấp hành đảng nhược-quốc. Trước mùa bầu cử của Hoa-Kỳ, ông Annan đã lên lớp George Bush là “chiến tranh Iraq là sai trái” gián tiếp giúp John Kerry (ông này võ công cũng chẳng kém “bà bà” Jane Fonda trong cuộc chiến Việt Nam bao nhiêu) ly gián cử tri Mỹ. Ông Kofi Annan phải hiểu rằng chơi với Mỹ như chơi với dao, chính khách Mỹ không phải ai cũng được xuất thân từ MIT ra như ông, nhưng cái thâm của anh Mèo không thua anh Tàu bao nhiêu đâu, việc ông làm họ đều rõ trong bàn tay và chỉ được đem ra dùng khi cần phải “knock out” đối thủ!

Tôi cũng được chứng kiến sự cáo chung chế độ Cộng Sản ở Liên-Sô với người hùng Mikhail Gorbachev, một trong những khuôn mặt vĩ-đại trong lịch sử nước Nga. Ông Gorbachev với “Glasnost” và “Perestroika” (Công khai và Tái Cấu Trúc) đã thay đổi hiến pháp Liên-Sô trong năm 1988. Bức tường Berlin bị đập vỡ sau đó vào năm 1989. Cánh cửa Dân Chủ được mở ra cho người dân Nga sau khi ông Gorbachev giải tán Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, và tước bỏ quyền độc tôn của chế độ Cộng Sản Nga vào năm 1990. Trong quyết tâm đổi mới, ông cổ võ, ủng hộ các chính quyền dân cử thay thế các chế độ Cộng Sản ở Đông-Âu. Giải Nobel Hòa Bình được



trao tặng cho ông vào năm 1990. Ngày 25 tháng 12 năm 1991 ông từ nhiệm chức vụ Tổng Thống Liên Bang Sô-Viêt và cũng là ngày cáo chung đế quốc Cộng Sản cùng sự hình thành “Khôi Thịnh Vượng các Quốc Gia Độc Lập” (Commonwealth of Independent States) với Tổng Thống Boris Yeltsin.

Câu nói thách thức “Ai thắng ai” của các cán bộ cai tù trên đất Bắc, hình như đã có lời giải đáp. Chẳng ai thắng ai cả chỉ có “Vương Đạo thắng Tà Đạo” cái “Đúng diệt cái Sai”. Liệu ông trùm KGB, Vladimir Putin, còn vẫn muốn dùng Bá-Đạo để làm sống lại cái cương thi Sô-Viêt bằng máu xương của nhân dân Ukraina chẳng?! Liệu công đức của Michail Gorbachev đã đưa dân Nga ra khỏi “địa ngục trần gian” có bị đổ sông đổ biển bởi tham vọng của ông Putin, một người vốn xuất thân từ lò mật vụ! Cái mùi vị Độc-Lập Tự-Do, của các nước chư hầu của Liên Bang Sô-Viêt cũ, có được sau năm 1990, vẫn còn tồn tại trong tâm khảm các nước đã thoát khỏi xiềng xích Liên-Sô, để gì tan đi bởi tham vọng cá nhân của ông Vladimir Putin!

Những chiếc lá cuối Thu lia cành, bỏ thân cây trần trụi run lạnh trong luồng gió chớm Đông. Cái lạnh khô ráo vùng sa-mạc miền nam Ca-li dễ chịu hơn nhiều so với mưa phùn rét mướt trong những mùa lạnh tôi trải qua trong lao tù đất Bắc. Cái lạnh ở ngưỡng cửa tuổi bảy mươi quả có cái khác biệt với cái lạnh của tuổi ba mươi! Tôi muốn viết vài giòng thật lãng mạn, như những giòng thơ viết cho người người yêu Gia-Hội ở tuổi hăm lăm, nhưng cái lạnh ở tuổi “Trời xa, Đất gần” này đã làm giá đông bút mực!

Tôi xin ngừng đây, chân thành cảm tạ AH Nguyễn đức Chí đã lôi tôi ra khỏi bệnh lười “kinh niên” mới đủ can-đảm viết bài “cóp-nhặt” này, cô Vivian Hà Nguyễn với hình ảnh quê hương thừa nào! I also would like to extend my heartfelt thanks to Richard Dennis and Matthew Maestas for their help in providing information and pictures throughout the article. /.